Tiết 16,17 Ngày soạn: 22/10/2026

BÀI 7. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 - 1954)

(2 tiết)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Về kiến thức

- Bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).
- Diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp qua các giai đoạn: Nam Bộ kháng chiến năm 1945; những năm đầu toàn quốc kháng chiến (1946 - 1950); bước phát triển mới (1951 - 1953); cuộc kháng chiến thắng lợi (1953 - 1954).
- Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).

2. Về kĩ năng, năng lực

- Khai thác được lược đồ, sơ đồ diễn biến, bảng thống kê, tranh ảnh và tư liệu lịch sử để xác định không gian, thời gian, lực lượng và kết quả của các chiến dịch tiêu biểu.
- Biết sắp xếp sự kiện theo tiến trình thời gian; so sánh được mục tiêu, kết quả và ý nghĩa của chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947, chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 và chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.
- Rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc giải thích quan hệ giữa bối cảnh, đường lối kháng chiến, diễn biến quân sự, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử.
- Phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác, thuyết trình, phản biện và giải quyết nhiệm vụ học tập theo cá nhân, cặp đôi và nhóm.
- Vận dụng kiến thức đã học để giới thiệu một di tích, nhân vật hoặc chiến thắng tiêu biểu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại địa phương hoặc trên phạm vi cả nước.
- [1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.
- [6.3-NC1-a/b] - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, lòng biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh, các anh hùng liệt sĩ, chiến sĩ và nhân dân đã hi sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc.
- Trân trọng giá trị của hoà bình, độc lập, đoàn kết dân tộc; có ý thức bảo vệ và phát huy các di sản lịch sử cách mạng.
- Có thái độ khách quan, trung thực khi tìm hiểu lịch sử; chăm chỉ, trách nhiệm trong học tập và hợp tác với bạn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực; phiếu học tập và bảng tiêu chí đánh giá sản phẩm của HS.
- Lược đồ chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947, chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950, chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954; sơ đồ ba đợt tiến công Điện Biên Phủ.

- Tranh ảnh cắt từ SGK: Tượng đài "Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh", nhân dân Nam Bộ kháng chiến, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị quyết định chủ trương tác chiến Đông - Xuân 1953 - 1954, dân công dùng xe đạp thồ phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ.
- Tư liệu lịch sử: Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến; trích Văn kiện Đại hội II của Đảng; nhận định của Chủ tịch Hồ Chí Minh về ý nghĩa thắng lợi; một số đoạn phim tư liệu phù hợp.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi; giấy A0/A3, bút dạ, thẻ sự kiện.
- Công cụ số tích hợp NLS: trình duyệt/Google Search; trang thông tin của Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Bảo tàng Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước hoặc nguồn chính thống do GV định hướng; ChatGPT hoặc Gemini do GV thao tác trên màn hình chung hoặc cung cấp sẵn kết quả để HS kiểm chứng, không yêu cầu HS phải có tài khoản AI.

2. Học sinh

- SGK Lịch sử 12; vở ghi, bút, thước và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.
- Đọc trước Bài 7; quan sát các hình, lược đồ, bảng tóm tắt và khai thác các tư liệu 1, 2, 3 trong SGK.
- Sưu tầm một hình ảnh hoặc thông tin ngắn về một nhân vật, di tích, chiến dịch tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế sẵn sàng học tập; gợi mở vấn đề về ý chí "Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh", từ đó giúp HS xác định nhiệm vụ tìm hiểu bối cảnh, diễn biến, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

b. Nội dung: HS quan sát Hình 1 trong SGK, đọc thông tin về Tượng đài "Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh" và trả lời câu hỏi gợi mở.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu được hình ảnh thể hiện tinh thần quyết tâm chiến đấu, hi sinh để bảo vệ nền độc lập; bước đầu dự đoán được tính chất chính nghĩa, toàn dân và lâu dài của cuộc kháng chiến.

d. Tổ chức thực hiện:



Hình 1. Tượng đài "Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh" (Hà Nội)

- GV yêu cầu HS quan sát tượng đài, chú ý hình tượng người chiến sĩ cảm tử và người công nhân cầm gươm; đọc phần giới thiệu dưới hình.
- GV nêu câu hỏi: Em nhận xét gì về tư thế, nét mặt và hành động của các nhân vật? Cụm từ "Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh" thể hiện tinh thần gì của nhân dân Việt Nam?
- HS suy nghĩ cá nhân trong 1 phút, trao đổi nhanh theo cặp và phát biểu. GV ghi các từ khoá lên bảng: độc lập, quyết tâm, toàn dân, hi sinh, trường kì.

- GV dẫn dắt: Nền độc lập vừa giành được đứng trước thử thách nghiêm trọng. Từ Nam Bộ kháng chiến đến chiến thắng Điện Biên Phủ, nhân dân Việt Nam đã tiến hành cuộc kháng chiến chín năm gian khổ và giành thắng lợi. Bài học hôm nay giúp chúng ta lí giải quá trình đó.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

a. Mục tiêu: HS trình bày khái quát được bối cảnh thế giới và trong nước; phân tích được những thuận lợi, khó khăn và lí giải vì sao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở trong tình thế "ngàn cân treo sợi tóc".

b. Nội dung: HS khai thác mục 1 SGK, xác định thông tin theo hai nhóm: bối cảnh thế giới và bối cảnh trong nước; hoàn thành bảng "Thuận lợi - Khó khăn - Tác động".

c. Sản phẩm học tập: Bảng tổng hợp và phần trình bày của HS nêu đúng các yếu tố cơ bản của bối cảnh lịch sử và tác động của chúng đối với cuộc kháng chiến.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm. Nhóm 1, 2 khai thác bối cảnh thế giới; nhóm 3, 4 khai thác bối cảnh trong nước. - GV phát phiếu gồm ba cột: Sự kiện/đặc điểm - Thuận lợi hoặc khó khăn - Tác động đối với Việt Nam. - GV định hướng các từ khoá cần chú ý: hệ thống xã hội chủ nghĩa; phong trào giải phóng dân tộc; Trật tự thế giới hai cực I-an-ta; quyền làm chủ của nhân dân; quân đội nước ngoài; nền kinh tế nghèo nàn; chính quyền cách mạng non trẻ; âm mưu của thực dân Pháp. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc mục 1 SGK, gạch chân thông tin quan trọng, thảo luận và thống nhất nội dung phiếu học tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS phân biệt thuận lợi lâu dài với khó khăn trực tiếp; gợi ý HS liên hệ bối cảnh Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** - Đại diện các nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét, bổ sung và đặt câu hỏi. - GV đặt câu hỏi mở rộng: Vì sao nói tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám là "ngàn cân treo sợi tóc"? Yếu tố nào đe doạ trực tiếp nhất đến nền độc lập vừa giành được? - HS dựa vào tư liệu để lí giải: nhiều lực	**- Bối cảnh thế giới:** - Hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành; phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. - Trật tự thế giới hai cực I-an-ta và Chiến tranh lạnh tác động sâu sắc đến tình hình Đông Dương và Việt Nam. **- Bối cảnh trong nước - thuận lợi:** - Nhân dân đã giành quyền làm chủ, được hưởng những quyền lợi của chế độ mới; tinh thần độc lập và ý chí bảo vệ thành quả cách mạng rất cao. **- Bối cảnh trong nước - khó khăn:** - Quân đội các nước đế quốc kéo vào dưới danh nghĩa Đồng minh; gần 6 vạn quân Nhật chờ giải giáp; lực lượng phản động chống phá. - Chính quyền cách mạng và lực lượng vũ trang còn non trẻ; nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu; hậu quả nạn đói, lũ lụt và tài chính kiệt quệ chưa được khắc phục. - Thực dân Pháp quyết định lập đạo quân viễn chinh, được Anh giúp đỡ và tìm cách trở lại xâm lược Việt Nam. **- Nhận xét:** - Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở trong tình thế "ngàn cân treo sợi tóc", nhưng có nền tảng quan trọng	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
lượng nước ngoài hiện diện, quân Nhật chưa giải giáp, Pháp quyết tâm trở lại xâm lược, chính quyền và lực lượng vũ trang còn non trẻ, kinh tế - tài chính kiệt quệ. **Bước 4. Kết luận, nhận định** - GV chuẩn xác kiến thức, nhấn mạnh sự đan xen giữa thuận lợi và khó khăn; mâu thuẫn cơ bản là nhân dân Việt Nam quyết bảo vệ độc lập trong khi thực dân Pháp quyết tâm tái chiếm Đông Dương. - HS hoàn thiện bảng và ghi kết luận vào vở.	là chính nghĩa, lòng dân và sự lãnh đạo của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh.	

Hoạt động 2. Tìm hiểu cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ chống thực dân Pháp trở lại xâm lược (1945)

a. Mục tiêu: HS trình bày được nguyên nhân trực tiếp, diễn biến khái quát, lực lượng tham gia và ý nghĩa của cuộc chiến đấu ở Nam Bộ; nhận thức được tinh thần "Nam Bộ thành đồng" và sự chi viện của cả nước.

b. Nội dung: HS khai thác mục 2a SGK và Hình 2; hoàn thành chuỗi sự kiện từ ngày 2 - 9 đến ngày 23 - 9 - 1945 và giải thích tác dụng của cuộc kháng chiến Nam Bộ.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu được các mốc, hành động chiến đấu, sự chi viện của cả nước và ý nghĩa kìm chân quân Pháp, tạo thời gian chuẩn bị cho toàn quốc kháng chiến.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát Hình 2 và đặt câu hỏi: Hình ảnh cho thấy những lực lượng nào tham gia kháng chiến? Điều gì thể hiện quyết tâm của nhân dân Nam Bộ? - GV yêu cầu HS đọc mục 2a, xác định bốn nội dung: hành động của quân Pháp; sự chuẩn bị của ta; hình thức chiến đấu; sự chi viện của cả nước.	- Ngày 2 - 9 - 1945, trong khi nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn tổ chức mít tinh mừng "Ngày Độc lập", quân Pháp nổ súng vào đồng bào. - Đêm 22 rạng sáng 23 - 9 - 1945, quân Pháp đánh chiếm trụ sở Uỷ ban hành chính Nam Bộ và các cơ quan tự vệ ở Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai. - Ngày 23 - 9 - 1945, Uỷ ban kháng chiến Nam Bộ được thành lập; quân dân Nam Bộ củng cố lực lượng, dựng chiến luỹ, chiến đấu trong các thành phố, thị xã ở phía Nam vĩ tuyến 16. - Đảng và Chính phủ huy động cả nước chi viện; các đơn vị "Nam tiến"	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
 *Hình 2. Nhân dân Nam Bộ biểu thị quyết tâm kháng chiến (1945)* **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS làm việc theo cặp, lập trục sự kiện ngắn: 2 - 9 - 1945; đêm 22 rạng sáng 23 - 9 - 1945; ngày 23 - 9 - 1945 và các hoạt động sau đó. - GV hỗ trợ HS phân biệt hành động khiêu khích ngày 2 - 9 với cuộc tiến công chiếm trụ sở chính quyền ngày 23 - 9. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** - Một số cặp trình bày trục sự kiện. HS khác bổ sung các hình thức chiến đấu: dựng chiến luỹ, đánh trong thành phố, thị xã, tổ chức "Nam tiến", quyên góp, chi viện người và vật chất. - GV hỏi: Vì sao cuộc chiến đấu của nhân dân Nam Bộ làm thất bại một bước âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh" của Pháp? **Bước 4. Kết luận, nhận định** - GV chốt: cuộc kháng chiến Nam Bộ mở đầu cuộc đấu tranh chống Pháp trở lại xâm lược, thể hiện ý chí bảo vệ độc lập và tạo điều kiện để cả nước chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài. - HS ghi vắn tắt kiến thức theo sơ đồ Nguyên nhân - Diễn biến - Ý nghĩa.	lên đường, phong trào quyên góp người và vật chất lan rộng. **- Ý nghĩa:** - Làm thất bại một bước âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh", kìm chân quân Pháp ở Nam Bộ, tạo thời gian để cả nước củng cố lực lượng và chuẩn bị kháng chiến trường kì.	

Hoạt động 3. Tìm hiểu những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 - 1950)

a. Mục tiêu: HS trình bày được nguyên nhân bùng nổ toàn quốc kháng chiến, nội dung cơ bản của Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến và những thắng lợi quân sự tiêu biểu; phân tích được bước chuyển từ phòng ngự sang giành quyền chủ động ở chiến trường chính Bắc Bộ.

b. Nội dung: HS khai thác mục 2b, Tư liệu 1 và bảng tóm tắt SGK; làm việc theo nhóm để tìm hiểu cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16, chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 và chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.

c. Sản phẩm học tập: Bảng tóm tắt của HS thể hiện đúng thời gian, mục tiêu, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của ba thắng lợi; HS giải thích được tác dụng của Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần mở đầu mục 2b và cho biết: Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã làm gì để giữ hoà bình? Vì sao cuộc kháng chiến toàn quốc vẫn bùng nổ? - GV giao 3 nhóm: Nhóm 1 tìm hiểu cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16; Nhóm 2 tìm hiểu chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947; Nhóm 3 tìm hiểu chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950. - Mỗi nhóm hoàn thành phiếu: Thời gian - âm mưu/mục tiêu của Pháp - chủ trương/hành động của ta - kết quả - ý nghĩa. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc SGK, khai thác Tư liệu 1 và bảng tóm tắt; thảo luận, lựa chọn thông tin cốt lõi và chuẩn bị báo cáo. - GV gợi ý cho HS làm rõ ý nghĩa câu "Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ... hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc". **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** - Nhóm 1 trình bày cuộc chiến đấu ở Hà Nội, Nam Định, Vinh và một số đô thị; nhóm khác nhận xét về mục tiêu giam chân địch và bảo vệ cơ quan đầu não. - Nhóm 2 trình bày chiến dịch Việt Bắc; GV nhấn mạnh sự phá sản của âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh". - Nhóm 3 trình bày chiến dịch Biên giới; GV yêu cầu giải thích vì sao thắng lợi này mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến. - HS thảo luận câu hỏi tổng hợp: Qua ba thắng lợi, thế và lực của ta thay đổi như	**- Toàn quốc kháng chiến bùng nổ:** - Ta kiên trì hoà hoãn, kí Hiệp định Sơ bộ ngày 6 - 3 - 1946 và Tạm ước ngày 14 - 9 - 1946; thực dân Pháp liên tiếp phá hoại, gửi tối hậu thư đòi ta giải tán lực lượng tự vệ và giao quyền kiểm soát Thủ đô. - Ngày 19 - 12 - 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Đường lối kháng chiến là toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế. **- Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16:** - Diễn ra từ ngày 19 - 12 - 1946 đến ngày 17 - 2 - 1947. Quân dân ta chiến đấu quyết liệt, giam chân quân Pháp ở Hà Nội và nhiều thành phố, tạo điều kiện để cơ quan đầu não và lực lượng chủ lực rút lui an toàn. - Ý nghĩa: làm thất bại một bước kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh", củng cố niềm tin và mở ra giai đoạn mới của cuộc kháng chiến. **- Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947:** - Từ tháng 10 đến tháng 12 - 1947, quân dân ta bao vây, tiến công và buộc đại bộ phận quân Pháp rút khỏi Việt Bắc; cơ quan đầu não được bảo vệ, bộ đội thu nhiều vũ khí và trưởng thành. - Ý nghĩa: đập tan cuộc tiến công quy mô lớn, làm phá sản hoàn toàn chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh", buộc Pháp chuyển sang đánh lâu dài. **- Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950:**	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
thế nào? **Bước 4. Kết luận, nhận định** - GV chuẩn xác kiến thức, vẽ mũi tên chuyển biến: giam chân địch ở đô thị -> bảo vệ căn cứ Việt Bắc -> khai thông biên giới và giành quyền chủ động chiến lược ở Bắc Bộ. - HS hoàn thiện bảng thống kê và rút ra nhận xét về sự trưởng thành của quân đội, hậu phương và nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh.	- Từ tháng 9 đến tháng 10 - 1950, quân ta tiến công Đông Khê, giải phóng một vùng biên giới rộng lớn, khai thông đường liên lạc quốc tế, phá Hành lang Đông - Tây và làm phá sản Kế hoạch Rơ-ve. - Ý nghĩa: quân đội ta giành quyền chủ động ở chiến trường chính Bắc Bộ, mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.	

Hoạt động 4. Tìm hiểu bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951 - 1953)

a. Mục tiêu: HS trình bày được những bước phát triển về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và quân sự; nhận xét được ý nghĩa của việc xây dựng hậu phương và củng cố khối đoàn kết toàn dân đối với tiền tuyến.

b. Nội dung: HS khai thác mục 2c, Tư liệu 2, Hình 3 và thông tin SGK; hoàn thành sơ đồ "Chính trị - Kinh tế - Văn hoá, xã hội - Quân sự".

c. Sản phẩm học tập: Sơ đồ tổng hợp của HS nêu đúng các sự kiện tiêu biểu và phân tích được tác dụng của từng lĩnh vực đối với cuộc kháng chiến.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát Hình 3 và hỏi: Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng diễn ra trong hoàn cảnh nào? Việc Đảng hoạt động công khai có ý nghĩa gì? - GV chia lớp thành 4 nhóm, giao mỗi nhóm một lĩnh vực: chính trị; kinh tế; văn hoá - xã hội; quân sự. - GV yêu cầu các nhóm xác định sự kiện, thời gian, nội dung và tác dụng đối với kháng chiến.  *Hình 3. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương tại Vinh*	**- Chính trị:** - Tháng 2 - 1951, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương họp; ở Việt Nam, Đảng hoạt động công khai với tên Đảng Lao động Việt Nam, bổ sung và hoàn chỉnh đường lối kháng chiến. - Ngày 3 - 3 - 1951, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt hợp nhất thành Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Mặt trận Liên Việt), tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc. **- Kinh tế:** - Phong trào sản xuất và tiết kiệm được đẩy mạnh; các ngành kinh tế cơ bản đáp ứng yêu cầu kháng chiến và đời sống. Tháng 12 - 1953, Quốc hội thông qua Luật Cải cách ruộng đất và quyết định cải cách ruộng đất ở vùng tự do.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Quang (1951) **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc mục 2c và Tư liệu 2, thảo luận, ghi kết quả lên giấy A3. - GV gợi ý Nhóm chính trị chú ý Đại hội II và Mặt trận Liên Việt; Nhóm kinh tế chú ý phong trào sản xuất, tiết kiệm và cải cách ruộng đất; Nhóm văn hoá - xã hội chú ý giáo dục, y tế; Nhóm quân sự chú ý các chiến dịch tiến công từ Trung du đến Thượng Lào. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** - Đại diện nhóm trình bày theo sơ đồ. Các nhóm khác đặt câu hỏi và bổ sung. - GV đặt câu hỏi: Vì sao việc xác định ba nhiệm vụ "đánh đuổi đế quốc, xoá bỏ tàn tích phong kiến, xây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội" phù hợp với yêu cầu của cách mạng Việt Nam? - HS liên hệ mục tiêu độc lập dân tộc với quyền lợi của nông dân và việc xây dựng chế độ mới. **Bước 4. Kết luận, nhận định** - GV chốt: giai đoạn 1951 - 1953 là bước phát triển mới toàn diện, hậu phương được củng cố, khối đoàn kết được tăng cường, quân đội liên tiếp tiến công và giữ vững quyền chủ động. - HS hoàn thiện sơ đồ và ghi nhận xét chung.	**- Văn hoá - xã hội:** - Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế tiếp tục phát triển; phong trào thi đua yêu nước tạo động lực tinh thần mạnh mẽ. **- Quân sự:** - Quân đội ta liên tiếp mở các chiến dịch Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám, Quang Trung, Hoà Bình, Tây Bắc và Thượng Lào, giữ vững và mở rộng quyền chủ động. **- Nhận xét:** - Hậu phương kháng chiến được xây dựng ngày càng vững mạnh, tạo nguồn lực người và của cho tiền tuyến; sức mạnh tổng hợp của cuộc kháng chiến tăng lên rõ rệt.	

Hoạt động 5. Tìm hiểu cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp thắng lợi (1953 - 1954)

a. Mục tiêu: HS trình bày được âm mưu của Kế hoạch Na-va, chủ trương của ta trong Đông - Xuân 1953 - 1954, diễn biến ba đợt của chiến dịch Điện Biên Phủ và ý nghĩa quyết định của chiến thắng.

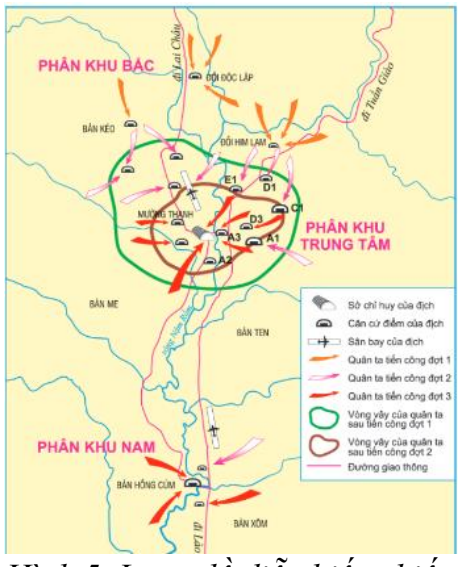
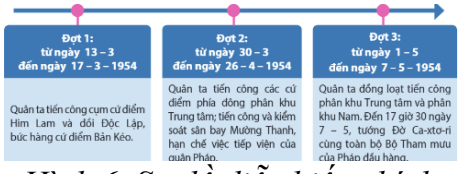
b. Nội dung: HS khai thác mục 2d, Hình 4, Hình 5, Hình 6 và câu hỏi trong SGK; làm việc nhóm theo bản đồ để tái hiện tiến trình chiến dịch và lí giải thắng lợi.

c. Sản phẩm học tập: HS lập được bảng ba đợt tiến công, xác định đúng các cứ điểm và nêu được kết quả, ý nghĩa của chiến thắng Điện Biên Phủ đối với cuộc kháng chiến và Hội nghị Giơ-ne-vơ.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát Hình 4, giới thiệu việc Bộ Chính trị quyết định	**- Kế hoạch Na-va:** - Tháng 7 - 1953, Pháp được Mỹ giúp đỡ đề ra Kế	**[1.1-NC1-b] → Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số** **Nội dung chỉ báo:** Áp

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
chủ trương tác chiến Đông - Xuân 1953 - 1954 và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. - GV nêu vấn đề: Thực dân Pháp đề ra Kế hoạch Na-va nhằm mục tiêu gì? Chủ trương của ta đã làm kế hoạch đó bị phân tán như thế nào? - GV chia lớp thành 4 nhóm: Nhóm 1 tìm hiểu Kế hoạch Na-va và cuộc tiến công Đông - Xuân; Nhóm 2, 3, 4 lần lượt tìm hiểu ba đợt tiến công Điện Biên Phủ.  *Hình 4. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị quyết định chủ trương tác chiến Đông - Xuân 1953 - 1954* **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc mục 2d, quan sát lược đồ Hình 5 và sơ đồ Hình 6, xác định hướng tiến công, các phân khu, cứ điểm và thời gian mỗi đợt. - GV hướng dẫn HS đọc kí hiệu lược đồ, phân biệt Phân khu Bắc, Phân khu Trung tâm, Phân khu Nam; nhận biết sân bay Mường Thanh, các cứ điểm Him Lam, Độc Lập, Bản Kéo và sở chỉ huy Đờ Cát-xtơ-ri.	hoạch Na-va, dự kiến trong 18 tháng giành thắng lợi quân sự quyết định để kết thúc chiến tranh trong danh dự. **- Chủ trương của ta:** - Trong Đông - Xuân 1953 - 1954, ta tiến công vào những hướng chiến lược quan trọng nhưng tương đối yếu, buộc địch phân tán lực lượng; đồng thời chuẩn bị tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. **- Chiến dịch Điện Biên Phủ - Đợt 1:** - Từ ngày 13 đến ngày 17 - 3 - 1954, quân ta tiêu diệt các cứ điểm Him Lam, Độc Lập, bức hàng cứ điểm Bản Kéo, phá vỡ cửa ngõ phía Bắc. **- Đợt 2:** - Từ ngày 30 - 3 đến ngày 26 - 4 - 1954, quân ta tiến công các cứ điểm phía đông Phân khu Trung tâm, đào hào siết chặt vòng vây, kiểm soát sân bay Mường Thanh, hạn chế tiếp viện. **- Đợt 3:** - Từ ngày 1 đến ngày 7 - 5 - 1954, quân ta tổng công kích các cứ điểm còn lại ở Phân khu Trung tâm và Phân khu Nam; 17 giờ 30 phút ngày 7 - 5, bắt sống tướng Đờ Cát-xtơ-ri và toàn bộ Bộ Tham mưu. **- Kết quả, ý nghĩa trực tiếp:** - Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị tiêu diệt; Kế hoạch Na-va phá sản; Pháp buộc phải kí Hiệp định Giơ-ne-vơ, chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở	dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. **Nhiệm vụ học tập:** HS sử dụng từ khóa phù hợp để tìm một tư liệu chính thống về chiến dịch Điện Biên Phủ hoặc công tác hậu cần phục vụ chiến dịch; lựa chọn thông tin đúng nội dung và ghi nguồn. **Công cụ:** Trình duyệt/Google Search; Bảo tàng Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia hoặc Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
 *Hình 5. Lược đồ diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ* **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** - Nhóm 1 trình bày mục tiêu 18 tháng của Kế hoạch Na-va và cách quân ta tiến công vào các hướng chiến lược, buộc địch phân tán lực lượng. - Ba nhóm còn lại trình bày ba đợt tiến công trên lược đồ; HS khác đối chiếu sơ đồ và bổ sung. - GV đặt câu hỏi: Vì sao Điện Biên Phủ được coi là tập đoàn cứ điểm mạnh nhưng vẫn bị quân ta tiêu diệt? Vai trò của hậu phương, dân công và công tác bảo đảm hậu cần thể hiện như thế nào? - HS liên hệ Hình 7 về xe đạp thồ, nêu tinh thần sáng tạo, sức người, sức của của toàn dân.  *Hình 6. Sơ đồ diễn biến chính chiến dịch Điện Biên Phủ* **Bước 4. Kết luận, nhận định** - GV chuẩn xác diễn biến; nhấn mạnh chiến dịch kéo dài 56 ngày đêm, kết thúc lúc 17 giờ 30 phút ngày 7 - 5 - 1954 khi tướng Đờ Cát-xtơ-ri cùng toàn bộ Bộ Tham mưu đầu hàng.	Đông Dương. - Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và chuyển sang thời kì cách mạng xã hội chủ nghĩa.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
- GV liên hệ: thắng lợi Điện Biên Phủ đập tan Kế hoạch Na-va, tạo cơ sở để kí Hiệp định Giơ-ne-vơ ngày 21 - 7 - 1954. - HS hoàn thành bảng tóm tắt và ghi kết luận.		

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP TIẾT 2

a. Mục tiêu: Củng cố tiến trình phát triển của cuộc kháng chiến từ năm 1951 đến năm 1954; rèn kĩ năng đọc lược đồ và hệ thống hoá diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ.

b. Nội dung: HS hoàn thành bảng ba đợt tiến công và trả lời câu hỏi giải thích.

c. Sản phẩm học tập: Bảng tóm tắt đúng thời gian, mục tiêu và kết quả; câu trả lời nêu được vai trò của hậu phương và nghệ thuật chỉ đạo chiến dịch.

d. Tổ chức thực hiện:

- Câu 1. Hoàn thành bảng gồm các cột: Đợt tiến công - Thời gian - Khu vực/cứ điểm - Kết quả.
- Câu 2. Vì sao thắng lợi Điện Biên Phủ làm phá sản hoàn toàn Kế hoạch Na-va?
- Câu 3. Qua Hình 7, em nhận xét gì về vai trò của nhân dân và hậu phương đối với chiến thắng Điện Biên Phủ?
- GV gọi HS trình bày, nhận xét, chuẩn xác; HS tự đối chiếu và sửa sản phẩm.

Hoạt động 6. Tìm hiểu nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

a. Mục tiêu: HS nêu và giải thích được các nguyên nhân chủ quan, khách quan; xác định được nguyên nhân quyết định và mối quan hệ giữa các nguyên nhân.

b. Nội dung: HS đọc mục 3a SGK, khai thác Hình 7 và kiến thức toàn bài; làm việc theo kĩ thuật "chia sẻ nhóm đôi" để hoàn thành phiếu nguyên nhân thắng lợi.

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập phân loại đúng nguyên nhân chủ quan, khách quan; HS lập luận được sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhân tố quyết định hàng đầu.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV phát phiếu gồm hai dòng "Chủ quan" và "Khách quan", yêu cầu HS điền nguyên nhân và minh chứng cụ thể từ diễn biến đã học. - GV nêu câu hỏi trọng tâm: Nguyên nhân nào giữ vai trò quyết định? Vì sao không thể tách rời nguyên nhân đó khỏi sức mạnh toàn dân và hậu phương?	**- Nguyên nhân chủ quan:** - Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo, độc lập và tự chủ. - Toàn dân, toàn quân phát huy lòng yêu nước, đoàn kết và sáng tạo trong chiến đấu, sản xuất; xây dựng được nền chiến tranh nhân dân rộng khắp. - Hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân, mặt trận dân tộc thống nhất ngày càng củng cố và mở rộng;	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
 *Hình 7. Dân công dùng xe đạp thồ phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ* **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS làm việc cá nhân 3 phút, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh để thống nhất. - GV quan sát, gợi ý HS sử dụng dẫn chứng: đường lối kháng chiến; chiến thắng Việt Bắc, Biên giới, Điện Biên Phủ; Mặt trận Liên Việt; hậu phương; liên minh Việt - Miên - Lào; sự giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và lực lượng tiến bộ. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** - Một số cặp trình bày. Lớp thảo luận, bổ sung dẫn chứng và nhận xét mức độ thuyết phục. - GV yêu cầu HS phân biệt "nguyên nhân quyết định" với "điều kiện thuận lợi"; tránh tuyệt đối hoá một yếu tố và xem nhẹ các yếu tố khác. **Bước 4. Kết luận, nhận định** - GV chốt hệ thống nguyên nhân; nhấn mạnh sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh quy tụ, tổ chức và phát huy sức mạnh toàn dân, toàn quân. - HS hoàn thiện phiếu và ghi kết luận bằng 3 - 4 câu.	lực lượng vũ trang trưởng thành, hậu phương rộng lớn và vững chắc. **- Nguyên nhân khách quan:** - Sự phối hợp, ủng hộ và đoàn kết chiến đấu của nhân dân Lào, Cam-pu-chia trong Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào. - Sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân, nhân dân Pháp và các lực lượng yêu chuộng hoà bình trên thế giới. **- Nguyên nhân quyết định:** - Sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhân tố quyết định hàng đầu vì đã đề ra đường lối đúng, tổ chức lực lượng, phát huy sức mạnh toàn dân và kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.	

Hoạt động 7. Phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

a. Mục tiêu: HS phân tích được ý nghĩa lịch sử đối với Việt Nam, Đông Dương và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; biết sử dụng dẫn chứng để làm rõ giá trị của thắng lợi.

b. Nội dung: HS khai thác mục 3b, Tư liệu 3 và kiến thức đã học; hoàn thành sơ đồ hai nhánh "Trong nước - Quốc tế".

c. Sản phẩm học tập: Sơ đồ và phần thuyết trình của HS nêu đầy đủ các ý nghĩa; giải thích được vì sao chiến thắng của Việt Nam có sức cổ vũ mạnh mẽ đối với các dân tộc thuộc địa.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc Tư liệu 3: "Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh...". - GV đặt câu hỏi: Nhận định trên nhấn mạnh điều gì? Tại sao thắng lợi của Việt Nam không chỉ có ý nghĩa đối với dân tộc Việt Nam? - GV giao hai nhóm lớn: Nhóm A phân tích ý nghĩa trong nước; Nhóm B phân tích ý nghĩa quốc tế. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc SGK, lựa chọn dẫn chứng và xây dựng sơ đồ hai nhánh. - GV gợi ý Nhóm A liên hệ Cách mạng tháng Tám, miền Bắc và nhiệm vụ thống nhất đất nước; Nhóm B liên hệ Đông Dương, hệ thống thuộc địa và phong trào giải phóng ở châu Á, châu Phi, Mỹ La-tinh. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** - Đại diện hai nhóm trình bày. Nhóm còn lại đặt câu hỏi phản biện và bổ sung. - GV yêu cầu HS giải thích mối quan hệ giữa chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơ-ne-vơ và việc miền Bắc được giải phóng. - HS thảo luận: Nếu chỉ nêu chiến thắng quân sự mà không gắn với kết quả chính trị, ngoại giao thì việc đánh giá ý nghĩa có đầy đủ không? **Bước 4. Kết luận, nhận định** - GV chuẩn xác nội dung và nhấn mạnh tầm vóc thời đại của thắng lợi: bảo vệ nền độc lập, mở ra thời kì mới ở miền Bắc, đồng thời góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.	**- Ý nghĩa trong nước:** - Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị của thực dân Pháp trên đất nước Việt Nam. - Bảo vệ và phát triển thành quả Cách mạng tháng Tám; đưa cách mạng Việt Nam chuyển sang thời kì mới: miền Bắc được giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, trở thành hậu phương lớn cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. **- Ý nghĩa đối với Đông Dương và thế giới:** - Giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược và âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc; chấm dứt chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương. - Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân; cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh. - Tăng cường sức mạnh của các lực lượng hoà bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới; khẳng định một dân tộc thuộc địa nhỏ yếu có thể chiến thắng một đế quốc mạnh khi có đường lối đúng đắn và sức mạnh đoàn kết.	**[6.3-NC1-a/b] → Đánh giá trí tuệ nhân tạo** **Nội dung chỉ báo:** Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI. **Nhiệm vụ học tập:** HS kiểm chứng bản tóm tắt do AI tạo về ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; chỉ ra ý đúng, ý thiếu/chưa đúng và nêu căn cứ chỉnh sửa từ SGK, tư liệu đã học. **Công cụ:** ChatGPT hoặc Gemini do GV thao tác/cung cấp kết quả sẵn.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
- HS hoàn thiện sơ đồ và viết đoạn kết luận 5 câu.		

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố, hệ thống hoá toàn bộ kiến thức; rèn kĩ năng sắp xếp sự kiện, lập bảng và giải thích vấn đề lịch sử.

b. Nội dung: HS hoàn thành ba nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của GV.

c. Sản phẩm học tập: Bảng thời gian, câu trả lời giải thích và đoạn lập luận có dẫn chứng.

d. Tổ chức thực hiện:

- Câu 1. Lập bảng gồm các cột: Giai đoạn - Sự kiện/chiến dịch tiêu biểu - Kết quả - Ý nghĩa. Các giai đoạn: 1945; 1946 - 1950; 1951 - 1953; 1953 - 1954.
- Câu 2. Chứng minh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp phát triển từ thế phòng ngự, giữ gìn lực lượng đến giành quyền chủ động và tiến lên tổng phản công chiến lược.
- Câu 3. Vì sao chiến thắng của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp có sức cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mỹ La-tinh?
- GV cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm; gọi đại diện trình bày, yêu cầu sử dụng mốc thời gian và dẫn chứng cụ thể.
- GV nhận xét theo các tiêu chí: đúng kiến thức; sắp xếp logic; có dẫn chứng; diễn đạt rõ ràng; biết liên hệ ý nghĩa.

Gợi ý sản phẩm luyện tập

- Giai đoạn 1945: Nam Bộ kháng chiến, mở đầu cuộc đấu tranh chống Pháp trở lại xâm lược và tạo thời gian chuẩn bị cho cả nước.
- Giai đoạn 1946 - 1950: toàn quốc kháng chiến; chiến đấu ở đô thị, Việt Bắc 1947, Biên giới 1950; ta từng bước phá âm mưu của Pháp và giành quyền chủ động.
- Giai đoạn 1951 - 1953: xây dựng hậu phương toàn diện, củng cố chính trị và mở nhiều chiến dịch tiến công.
- Giai đoạn 1953 - 1954: phá Kế hoạch Na-va, chiến thắng Điện Biên Phủ, buộc Pháp kí Hiệp định Giơ-ne-vơ.
- Sức cổ vũ quốc tế bắt nguồn từ việc một dân tộc thuộc địa nhỏ yếu đã đánh bại một cường quốc thực dân, chứng minh con đường đấu tranh giải phóng dân tộc có thể giành thắng lợi.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức lịch sử để tìm hiểu, giới thiệu và lan toả giá trị của một di tích, chiến thắng hoặc nhân vật tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

b. Nội dung: HS sưu tầm tư liệu, xây dựng sản phẩm ngắn và trình bày trong giờ học sau hoặc nộp theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm học tập: Bài giới thiệu, áp phích, sơ đồ tư duy hoặc bài thuyết trình 3 - 5 phút có nguồn tư liệu rõ ràng.

d. Tổ chức thực hiện:

- Nhiệm vụ 1. Giới thiệu một di tích hoặc địa danh gắn với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp: Bắc Bộ Phủ, chiến khu Việt Bắc, Đông Khê, Điện Biên Phủ hoặc một địa điểm ở địa phương.
- Nhiệm vụ 2. Giới thiệu một nhân vật hoặc tập thể tiêu biểu: Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, anh hùng Tô Vĩnh Diện, Phan Đình Giót, Bế Văn Đàn, lực lượng dân công hoả tuyến hoặc thanh niên xung phong.

- Sản phẩm cần có: tên đối tượng; bối cảnh; đóng góp hoặc diễn biến tiêu biểu; ý nghĩa; hình ảnh minh hoạ; nguồn tư liệu; cảm nghĩ của HS.
- GV nhắc HS tôn trọng bản quyền hình ảnh, kiểm tra độ tin cậy của nguồn, không sao chép nguyên văn và trình bày bằng ngôn ngữ của mình.

E. NHẬN XÉT SAU GIỜ DẠY

.....
.....

Giáo viên thực hiện: ……

Tiết 18: kiểm tra giữa kì I

Tiết 19,20.21 **Ngày soan: 2/11/2026**

BÀI 8. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

(3 tiết)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Về kiến thức

- Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).
- Trình bày được các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở hai miền Nam - Bắc từ năm 1954 đến năm 1975.
- Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đối với Việt Nam và thế giới.

2. Về kĩ năng, năng lực

- Biết sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu viết, tranh ảnh, bảng thống kê và trục thời gian để tìm hiểu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc nhận diện các mốc thời gian, sự kiện, chiến lược chiến tranh và thắng lợi tiêu biểu trong từng giai đoạn.
- Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc giải thích mối quan hệ giữa cách mạng hai miền, phân tích nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến.
- Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giới thiệu một sự kiện, nhân vật, phong trào phản chiến hoặc thực hiện hoạt động đền ơn đáp nghĩa tại địa phương.
- Rèn luyện năng lực giao tiếp, hợp tác, thuyết trình, phản biện và giải quyết nhiệm vụ học tập cá nhân hoặc theo nhóm.

3. Năng lực số

- [1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.
- [6.3-NC1-a/b] - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.

4. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, ý thức trân trọng sự hi sinh của các thế hệ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Hình thành tinh thần trách nhiệm, ý thức giữ gìn hòa bình, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.
- Có thái độ khách quan, trung thực, tôn trọng sự thật lịch sử; tích cực tham gia các hoạt động tri ân người có công và đền ơn đáp nghĩa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực; phiếu học tập dành cho HS.
- SGK, SGV và Tập bản đồ, tư liệu Lịch sử 12.
- Lược đồ Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975; sơ đồ các giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Các hình ảnh trong SGK: Nụ cười chiến thắng bên Thành cổ Quảng Trị; phong trào Đồng khởi ở Bến Tre; phá ấp chiến lược; Quân Giải phóng làm chủ đường Lê Lợi; trận Điện Biên Phủ trên không; Hội nghị Bộ Chính trị; nhân dân Sài Gòn chào mừng Quân Giải phóng.

- Một số video, đoạn phim tư liệu, bài hát, trích đoạn hồi kí, báo chí về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Máy tính, máy chiếu hoặc tranh ảnh phóng to để tổ chức hoạt động học tập.
- Công cụ số tích hợp NLS: trình duyệt/Google Search; trang thông tin của Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước hoặc nguồn chính thống do GV định hướng; ChatGPT hoặc Gemini do GV thao tác trên màn hình chung hoặc cung cấp sẵn kết quả để HS kiểm chứng, không yêu cầu HS phải có tài khoản AI.

2. Học sinh

- SGK Lịch sử 12; vở ghi, bút và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.
- Đọc trước Bài 8, quan sát các kênh hình và hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị theo hướng dẫn.
- Sưu tầm một tư liệu, câu chuyện, hình ảnh hoặc thông tin về nhân vật, sự kiện tiêu biểu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập; giúp HS bước đầu nhận diện được tính chất lâu dài, gian khổ, quyết liệt và thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; từ đó xác định nhiệm vụ học tập của bài.

b. Nội dung: HS quan sát bức ảnh "Nụ cười chiến thắng bên Thành cổ Quảng Trị", đọc thông tin mở đầu trong SGK và trả lời câu hỏi gợi mở của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu được cảm nhận ban đầu về tinh thần chiến đấu, niềm tin chiến thắng của quân dân Việt Nam; dự đoán được những nội dung chính cần tìm hiểu về bối cảnh, diễn biến, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử.

d. Tổ chức thực hiện:

GV giới thiệu: Bức ảnh "Nụ cười chiến thắng bên Thành cổ Quảng Trị" được chụp vào tháng 8 - 1972, khi cuộc chiến đấu bảo vệ Thành cổ diễn ra ác liệt. Hình ảnh thể hiện tinh thần lạc quan, niềm tin vào thắng lợi của quân dân Việt Nam trong những năm tháng khốc liệt nhất của cuộc chiến tranh cách mạng.



Hình 1. Nụ cười chiến thắng bên Thành cổ Quảng Trị, tháng 8 - 1972

GV đặt câu hỏi:

- Em có suy nghĩ gì khi quan sát bức ảnh?
- Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước diễn ra trong bối cảnh lịch sử nào và trải qua những giai đoạn nào?
- Vì sao nhân dân Việt Nam giành được thắng lợi? Thắng lợi đó có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc và thời đại?

HS suy nghĩ, trao đổi theo cặp và phát biểu. GV nhận xét, định hướng: cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kéo dài 21 năm, diễn ra trên cả hai miền và là một trong những cuộc chiến tranh giải phóng dân

tộc tiêu biểu của thế kỉ XX. Để hiểu rõ tiến trình, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến, chúng ta cùng tìm hiểu Bài 8.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)

a. Mục tiêu: HS khai thác hình ảnh, tư liệu và thông tin SGK để trình bày khái quát được bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; góp phần phát triển năng lực tìm hiểu, nhận thức và tư duy lịch sử.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS tìm hiểu bối cảnh trong nước và quốc tế sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954; xác định nhiệm vụ cách mạng ở hai miền và tác động của tình hình thế giới đối với Việt Nam.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu được: Mỹ thay chân Pháp ở miền Nam, đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền; miền Bắc được giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội và trở thành hậu phương lớn; miền Nam tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; trên thế giới, hệ thống xã hội chủ nghĩa mở rộng, phong trào giải phóng dân tộc dâng cao nhưng Chiến tranh lạnh và đối đầu hai phe tác động sâu sắc đến Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: GV yêu cầu HS đọc mục 1 SGK, kết hợp kiến thức đã học về Hiệp định Giơ-ne-vơ và xác định: sau năm 1954, tình hình Việt Nam có những thay đổi cơ bản nào? **Bước 2:** HS làm việc theo cặp, hoàn thành bảng hai cột "Trong nước - Quốc tế", chỉ ra thuận lợi, khó khăn và nhiệm vụ cách mạng ở hai miền. **Bước 3:** GV gợi mở: Vì sao Mỹ thay chân Pháp ở miền Nam? Miền Bắc và miền Nam có vị trí, vai trò như thế nào trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước? **Bước 4:** Đại diện HS trình bày. GV nhận xét, chuẩn xác kiến thức và nhấn mạnh mối quan hệ mật thiết giữa cách mạng hai miền: miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với toàn bộ cách mạng; miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.	- Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Mỹ thay chân Pháp, dựng chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á. - Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội; miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện hòa bình, thống nhất nước nhà. - Hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày càng mở rộng; Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc. - Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mỹ La-tinh phát triển mạnh. - Sự đối đầu giữa hai phe trong Chiến tranh lạnh tác động sâu sắc đến Việt Nam; cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam vừa mang tính dân tộc, vừa mang tính thời đại.	

Hoạt động 2. Tìm hiểu các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)

a. Mục tiêu: HS trình bày được diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước qua năm giai đoạn; nhận biết được nhiệm vụ, thành tựu của miền Bắc và cuộc đấu tranh chống các chiến lược chiến tranh của Mỹ ở miền Nam.

b. Nội dung: GV chia nhóm, giao nhiệm vụ khai thác SGK, kênh hình và hoàn thành phiếu học tập về các giai đoạn 1954 - 1960; 1961 - 1965; 1965 - 1968; 1969 - 1973; 1973 - 1975.

c. Sản phẩm học tập: HS hoàn thành bảng tóm tắt theo giai đoạn, trình bày được các thắng lợi tiêu biểu, làm rõ sự phối hợp giữa tiền tuyến miền Nam và hậu phương miền Bắc, đồng thời nhận xét được bước phát triển đi lên của cuộc kháng chiến.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 5 nhóm. Mỗi nhóm nghiên cứu một giai đoạn, xác định nhiệm vụ của hai miền, chiến lược chiến tranh của Mỹ, những thắng lợi tiêu biểu và ý nghĩa. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Các nhóm khai thác thông tin trong SGK, quan sát hình ảnh, lựa chọn sự kiện tiêu biểu và hoàn thành phiếu học tập. GV theo dõi, hướng dẫn cách xác định mốc thời gian, nguyên nhân - kết quả và mối quan hệ giữa hai miền.  *Hình 2. Nhân dân Bến Tre biểu tình trong phong trào Đồng khởi (1960)*  *Hình 3. Quân dân miền Nam phá "ấp chiến lược"*	**1. Giai đoạn 1954 - 1960** - Miền Bắc: hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, bước đầu phát triển kinh tế - xã hội; làm hậu phương cho miền Nam. - Miền Nam: đấu tranh chống Mỹ - chính quyền Ngô Đình Diệm; Nghị quyết 15 mở đường cho bạo lực cách mạng; phong trào Đồng khởi 1959 - 1960 làm tan rã từng mảng chính quyền địch, đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công; Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời. **2. Giai đoạn 1961 - 1965** - Miền Bắc thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, đạt nhiều thành tựu, tăng cường chi viện cho tiền tuyến. - Miền Nam đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt"; nổi bật là đấu tranh chính trị, phá "ấp chiến lược", chiến thắng Ấp Bắc và các thắng lợi Đông - Xuân 1964 - 1965. **3. Giai đoạn 1965 - 1968** - Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại	**[1.1-NC1-b] → Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số** **Nội dung chỉ báo:** Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. **Nhiệm vụ học tập:** HS sử dụng từ khóa phù hợp để tìm một tư liệu chính thống về một sự kiện tiêu biểu trong năm giai đoạn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; lựa chọn thông tin đúng với giai đoạn và ghi nguồn sử dụng. **Công cụ:** Trình duyệt/Google Search; Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước hoặc nguồn chính thống do GV định hướng.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
 *Hình 4. Quân Giải phóng làm chủ đường Lê Lợi trong Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968*  *Hình 5. Đại đội pháo cao xạ bảo vệ bầu trời Hà Nội trong trận "Điện Biên Phủ trên không" năm 1972*  *Hình 6. Bộ Chính trị họp Hội nghị mở rộng, quyết định kế hoạch giải phóng miền Nam (1 - 1975)*  *Hình 7. Nhân dân Sài Gòn chào mừng Quân Giải phóng tiến vào thành phố (30 - 4 - 1975)* **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** Đại diện các nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét, bổ sung; GV đặt câu hỏi để làm rõ ý nghĩa của phong trào Đồng khởi, chiến thắng Ấp Bắc, Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, "Điện Biên Phủ trên không" năm 1972 và Chiến dịch Hồ Chí Minh. **Bước 4: Kết luận, nhận định** GV chuẩn xác kiến thức, nhấn mạnh: cuộc kháng chiến phát triển qua các bước liên tục, từ giữ gìn lực	lần thứ nhất, vừa sản xuất và chi viện cho miền Nam. - Miền Nam đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ", thắng hai mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967; Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 tạo bước ngoặt, buộc Mỹ tuyên bố "phi Mỹ hóa" chiến tranh, chấp nhận đàm phán ở Pa-ri. **4. Giai đoạn 1969 - 1973** - Miền Nam chống chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", phối hợp chiến đấu với Lào và Cam-pu-chia; cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 giáng đòn mạnh vào quân đội Sài Gòn. - Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế, đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ hai, đặc biệt là chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không" cuối năm 1972, buộc Mỹ kí Hiệp định Pa-ri năm 1973. **5. Giai đoạn 1973 - 1975** - Sau Hiệp định Pa-ri, miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, tiếp tục chi viện cho miền Nam. - Miền Nam đấu tranh chống bình định, tạo thế và lực mới. Cuối năm 1974 - đầu năm 1975, Bộ Chính trị đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam; cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 với ba chiến dịch Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng và Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi vào 11 giờ 30 phút ngày 30 - 4 - 1975.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
lượng đến tiến công, đánh bại từng chiến lược chiến tranh của Mỹ, buộc Mỹ rút quân và tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam.		

PHIẾU HỌC TẬP

Tóm tắt các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Giai đoạn	Miền Bắc	Miền Nam
1954 - 1960	Hoàn thành cải cách ruộng đất; khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh; bước đầu phát triển kinh tế - xã hội; làm hậu phương cho miền Nam.	Đấu tranh chống Mỹ - chính quyền Ngô Đình Diệm; phong trào Đồng khởi; thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.
1961 - 1965	Thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất; xây dựng chủ nghĩa xã hội và tăng cường chi viện miền Nam.	Đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt"; thắng lợi Ấp Bắc, phá "ấp chiến lược", Đông - Xuân 1964 - 1965.
1965 - 1968	Vừa sản xuất, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất; bảo đảm giao thông, chi viện tiền tuyến.	Đánh bại "Chiến tranh cục bộ"; hai mùa khô; Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.
1969 - 1973	Khôi phục kinh tế; chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai; chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không".	Đánh bại "Việt Nam hóa chiến tranh"; Tiến công chiến lược 1972; phối hợp chiến đấu ở Đông Dương; kí Hiệp định Pa-ri.
1973 - 1975	Khắc phục hậu quả chiến tranh; phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường chi viện cho miền Nam.	Chống bình định, tạo thế và lực; Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Hoạt động 3. Tìm hiểu nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

a. Mục tiêu: HS trình bày được nguyên nhân thắng lợi; phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến đối với Việt Nam và quốc tế; phát triển năng lực nhận thức, tư duy và vận dụng lịch sử.

b. Nội dung: HS khai thác thông tin SGK và Tư liệu 2, phân loại nguyên nhân chủ quan - khách quan, phân tích ý nghĩa trong nước - quốc tế và liên hệ trách nhiệm của thế hệ trẻ.

c. Sản phẩm học tập: HS hoàn thành bảng tổng hợp, nêu được vai trò quyết định của sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; hậu phương miền Bắc; sự phối hợp chiến đấu của ba nước Đông Dương và sự ủng hộ quốc tế. HS phân tích được thắng lợi đã kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mỹ, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước và cổ vũ phong trào cách mạng thế giới.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: GV nêu nhiệm vụ: đọc mục 3 SGK, xác định các nguyên nhân thắng lợi và phân loại thành nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan. **Bước 2:** HS làm việc nhóm. Nhóm 1, 2 phân tích nguyên nhân; Nhóm 3 phân tích ý nghĩa đối với Việt Nam; Nhóm 4 phân tích ý nghĩa quốc tế. Mỗi nhóm lựa chọn dẫn chứng tiêu biểu để chứng minh. **Bước 3:** Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác phản biện. GV gợi mở: nguyên nhân nào giữ vai trò quyết định? Vì sao thắng lợi năm 1975 được coi là một trong những thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc? **Bước 4:** GV nhận xét, chuẩn xác kiến thức; liên hệ trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc giữ gìn thành quả hòa bình, độc lập, thống nhất và thực hiện hoạt động tri ân người có công.	**Nguyên nhân thắng lợi** - Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo; kết hợp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc với cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. - Nhân dân Việt Nam giàu lòng yêu nước, đoàn kết, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm, tạo nên sức mạnh tổng hợp để chiến thắng. - Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, đáp ứng kịp thời yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền. - Sự phối hợp, đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương; sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, lực lượng hòa bình, dân chủ và nhân dân tiến bộ trên thế giới. **Ý nghĩa lịch sử** - Đối với Việt Nam: kết thúc 21 năm chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược và 30 năm chiến tranh cách mạng; chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc; hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; mở ra kỉ nguyên đất nước hòa bình, độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. - Đối với quốc tế: góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân mới; cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc, đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội; có tầm vóc quốc tế và ý nghĩa thời đại sâu sắc.	**[6.3-NC1-a/b] → Đánh giá trí tuệ nhân tạo** **Nội dung chỉ báo:** Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI. **Nhiệm vụ học tập:** HS kiểm chứng bản tóm tắt do AI tạo về nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; chỉ ra ý đúng, ý thiếu/chưa đúng và nêu căn cứ chỉnh sửa từ SGK, tư liệu đã học. **Công cụ:** ChatGPT hoặc Gemini do GV thao tác/cung cấp kết quả sẵn.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố, hệ thống hóa kiến thức cơ bản về bối cảnh, các giai đoạn phát triển, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

b. Nội dung: HS hoàn thành câu hỏi, sơ đồ tư duy hoặc bảng tóm tắt dưới sự hướng dẫn của GV.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời, sơ đồ, bảng tổng hợp hoặc bài trình bày của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Câu 1. Lập sơ đồ tư duy thể hiện nội dung chính của năm giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).

Gợi ý: Mỗi nhánh ghi rõ thời gian, nhiệm vụ của miền Bắc, cuộc đấu tranh ở miền Nam, chiến lược chiến tranh của Mỹ, thắng lợi và ý nghĩa tiêu biểu.

Câu 2. Hãy nêu một số sự kiện tiêu biểu thể hiện bước phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Gợi ý: Phong trào Đồng khởi; chiến thắng Ấp Bắc; thắng lợi hai mùa khô; Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968; Tiến công chiến lược 1972; "Điện Biên Phủ trên không"; Hiệp định Pa-ri; Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Câu 3. Nguyên nhân nào giữ vai trò quyết định đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước? Hãy giải thích bằng một hoặc hai dẫn chứng lịch sử.

GV nhận xét, chốt đáp án; khuyến khích HS trình bày bằng ngôn ngữ của mình, sử dụng dẫn chứng và thể hiện được quan hệ nguyên nhân - kết quả.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức lịch sử để tìm hiểu, tri ân và lan tỏa giá trị của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong đời sống hiện nay.

b. Nội dung: HS lựa chọn một trong các nhiệm vụ dưới đây và thực hiện ở nhà hoặc theo nhóm.

c. Sản phẩm học tập: Bài giới thiệu, bài thuyết trình, infographic, video ngắn, kế hoạch hoặc nhật kí hoạt động tri ân.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1. Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet và xây dựng bài giới thiệu về một sự kiện hoặc nhân vật lịch sử tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Gợi ý nội dung: tên sự kiện hoặc nhân vật; bối cảnh, thời gian và địa điểm; diễn biến hoặc đóng góp; ý nghĩa lịch sử; lí do em lựa chọn.

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu một phong trào phản chiến, ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược trên thế giới; trình bày theo các ý: tên phong trào, nơi diễn ra, thời gian, lực lượng tổ chức hoặc lãnh đạo, mục đích, kết quả, ý nghĩa.

Nhiệm vụ 3. Đề xuất và thực hiện một hành động thiết thực để thể hiện lòng biết ơn đối với thương binh, liệt sĩ và những người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tại địa phương.

Gợi ý: vệ sinh nghĩa trang liệt sĩ; thăm hỏi, giúp đỡ gia đình người có công; sưu tầm và giới thiệu tư liệu lịch sử địa phương; tham gia hoạt động đền ơn đáp nghĩa.

GV hướng dẫn tiêu chí sản phẩm: đúng kiến thức lịch sử, nguồn tư liệu rõ ràng, trình bày mạch lạc, thể hiện suy nghĩ cá nhân và có ý thức tôn trọng, tri ân các thế hệ đi trước.

E. NHẬN XÉT SAU GIỜ DẠY

.....

.....

.....

Tiết 22,23 *Ngày soạn: 3/11/2026*

BÀI 9. CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SAU THÁNG 4 - 1975 ĐẾN NAY. MỘT SỐ BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY(2 tiết)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 - 1975 đến nay.

- Trình bày được diễn biến chính của cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc; nêu được các hoạt động bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông.

- Nêu được ý nghĩa lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 - 1975 đến nay.

- Nêu và phân tích được một số bài học lịch sử cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay; bước đầu vận dụng các bài học đó vào thực tiễn xây dựng và bảo vệ đất nước.

2. Về năng lực

- Năng lực tìm hiểu lịch sử: khai thác được hình ảnh, tư liệu, bảng thống kê và các mốc thời gian để nhận biết bối cảnh, diễn biến, kết quả của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc.

- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: phân tích được mối quan hệ giữa bối cảnh trong nước, quốc tế với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; phân biệt được các mặt trận Tây Nam, phía Bắc và Biển Đông; lí giải được ý nghĩa, bài học lịch sử.

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng: liên hệ được trách nhiệm của công dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, trong việc giữ gìn độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

- Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, báo cáo và phản biện.

3. Năng lực số

- [1.1-NC1-b] - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.

- [6.3-NC1-a/b] - Đánh giá trí tuệ nhân tạo: Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI.

4. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, niềm tự hào, sự tri ân đối với các thế hệ đã hi sinh vì độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

- Hình thành ý thức trân trọng sự thật lịch sử, thái độ khách quan, nhân văn; phản đối chiến tranh xâm lược và hành vi vi phạm chủ quyền quốc gia.

- Có ý thức trách nhiệm, đoàn kết, sẵn sàng góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; sử dụng thông tin lịch sử trên môi trường số một cách có chọn lọc và đúng pháp luật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực; phiếu học tập và bảng tiêu chí đánh giá sản phẩm nhóm.

- Các hình ảnh trong SGK: người lính tại cột mốc số 0 Lạng Sơn; Kì họp thứ nhất Quốc hội khoá VI; Khu di tích Nhà mồ Ba Chúc; Nghĩa trang liệt sĩ Vị Xuyên; Khu tưởng niệm Gạc Ma.

- Tư liệu về chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc, sự kiện Gạc Ma, Luật Biển Việt Nam năm 2012 và Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi; bản đồ Việt Nam; giấy A0/A3, bút dạ, thẻ thời gian hoặc phần mềm trình chiếu nếu có.

- Công cụ số tích hợp NLS: trình duyệt/Google Search; Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, cổng thông tin của các cơ quan nhà nước hoặc nguồn chính thống do GV định hướng; ChatGPT hoặc Gemini do GV thao tác trên màn hình chung hoặc cung cấp sẵn kết quả để HS kiểm chứng, không yêu cầu HS phải có tài khoản AI.

2. Học sinh

- SGK Lịch sử 12; vở ghi, bút, thước và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

- Đọc trước Bài 9; sưu tầm tư liệu ngắn về một cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới, một chiến sĩ hoặc một địa chỉ đỏ liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc sau năm 1975.

- Chuẩn bị thái độ học tập nghiêm túc, tôn trọng sự thật lịch sử và ý kiến của bạn.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế sẵn sàng học tập; gợi mở vấn đề về trách nhiệm bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ quốc gia và giúp HS kết nối kiến thức đã học với nội dung mới.

b. Nội dung: HS quan sát Hình 1 trong SGK, nhận diện bối cảnh và trả lời các câu hỏi gợi mở của GV.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời miệng của HS về hình ảnh người lính, ý nghĩa của cột mốc biên giới và dự đoán nội dung bài học.

d. Tổ chức thực hiện:



Hình 1. Người lính trong tư thế sẵn sàng chiến đấu bên cột mốc biên giới số 0 Lạng Sơn

- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và trả lời: Người lính đang làm gì? Cột mốc biên giới có ý nghĩa như thế nào? Hình ảnh gợi cho em suy nghĩ gì về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc?

- HS suy nghĩ cá nhân trong 1 phút, trao đổi nhanh với bạn bên cạnh và phát biểu.

- GV nhận xét, dẫn dắt: Sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đất nước thống nhất nhưng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc vẫn đặt ra hết sức cấp thiết. Bài học sẽ giúp chúng ta tìm hiểu các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 - 1975 và rút ra những bài học lịch sử có giá trị lâu dài.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1. Tìm hiểu bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 - 1975 đến nay

a. Mục tiêu: HS khai thác được tư liệu, hình ảnh để trình bày những nét khái quát về bối cảnh trong nước và quốc tế; nhận biết được những thuận lợi, khó khăn tác động đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

b. Nội dung: HS đọc thông tin SGK, quan sát Hình 2, hoàn thành Phiếu học tập "Bối cảnh - Thuận lợi - Khó khăn" và trình bày kết quả theo cặp.

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập hoàn chỉnh; phần trình bày nêu được bối cảnh trong nước, quốc tế, thuận lợi và khó khăn chủ yếu.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu nhiệm vụ: Đọc mục 1 SGK, quan sát Hình 2 và hoàn thành bảng gồm hai hàng "Trong nước", "Quốc tế"; hai cột "Thuận lợi", "Khó khăn". - Xác định những thay đổi lớn của Việt Nam sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975. - Chỉ ra hậu quả chiến tranh và những vấn đề đối ngoại, an ninh nảy sinh. - Nhận xét xu thế thế giới trong nửa sau thập niên 1970.	- HS xác định đúng yêu cầu, phân công người đọc tư liệu và người ghi kết quả. - Từ Hình 2, HS nhận biết Quốc hội khoá VI đã quyết định nhiều vấn đề quan trọng để thống nhất đất nước về mặt nhà nước.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
 *Hình 2. Kì họp thứ nhất của Quốc hội khoá VI (1976)*		
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc theo cặp trong 5 - 6 phút. GV quan sát, hỗ trợ bằng các câu hỏi: - Sau tháng 4 - 1975, Việt Nam có những điều kiện thuận lợi nào về lãnh thổ, chính trị và tinh thần nhân dân? - Vì sao hậu quả chiến tranh, bao vây cấm vận và quan hệ với một số nước láng giềng lại là khó khăn lớn? - Xu thế hoà hoãn Đông - Tây có đồng nghĩa với việc thế giới hoàn toàn ổn định hay không?	**Trong nước:** - Đất nước thống nhất về lãnh thổ và từng bước thống nhất về mặt nhà nước; cả nước bước vào thời kì độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. - Nhân dân có niềm tin, ý chí và khát vọng hoà bình, xây dựng đất nước. - Khó khăn: hậu quả chiến tranh nặng nề; kinh tế kiệt quệ; cơ sở hạ tầng bị tàn phá; đất nước bị bao vây, cấm vận; quan hệ Việt Nam - Trung Quốc - Cam-pu-chia xuất hiện nhiều vấn đề phức tạp. **Quốc tế:** - Xu thế hoà hoãn Đông - Tây xuất hiện từ đầu thập niên 1970, song tình trạng bất ổn, xung đột vẫn diễn ra ở nhiều khu vực.	
Bước 3. Báo cáo, thảo luận	- HS trình bày được cả mặt thuận	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
GV mời 2 - 3 cặp trình bày từng phần của phiếu học tập. Các cặp khác nhận xét, bổ sung và đặt câu hỏi phản biện. - GV yêu cầu HS giải thích: Tại sao trong bối cảnh đất nước vừa thống nhất, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc vẫn đặc biệt cấp thiết? - HS dùng dẫn chứng từ SGK và Hình 2 để trả lời; GV khuyến khích cách diễn đạt ngắn gọn, có luận điểm và dẫn chứng.	lợi và khó khăn, không chỉ liệt kê sự kiện. - HS lí giải: độc lập, thống nhất tạo sức mạnh mới nhưng hậu quả chiến tranh, nguy cơ xâm phạm chủ quyền và những biến động quốc tế buộc Việt Nam vừa xây dựng đất nước vừa sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc.	
Bước 4. Kết luận, nhận định GV chuẩn xác kiến thức và nhấn mạnh: bối cảnh sau năm 1975 vừa mở ra thời cơ lớn, vừa đặt Việt Nam trước những thách thức nghiêm trọng. Đây là nguyên nhân trực tiếp khiến nhiệm vụ bảo vệ biên giới, biển đảo và chủ quyền quốc gia trở thành yêu cầu cấp bách. - GV yêu cầu HS ghi nội dung chốt vào vở theo hai nhánh "Thuận lợi" và "Khó khăn".	**Nội dung chốt:** - Thuận lợi cơ bản: đất nước độc lập, thống nhất; chính quyền được củng cố; nhân dân đoàn kết, tin tưởng. - Khó khăn cơ bản: hậu quả chiến tranh; kinh tế - xã hội nhiều yếu kém; bao vây, cấm vận; tình hình khu vực và quan hệ với một số nước láng giềng phức tạp. - Nhiệm vụ lịch sử: kết hợp chặt chẽ xây dựng đất nước với bảo vệ Tổ quốc.	

Hoạt động 2. Tìm hiểu cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam

a. Mục tiêu: HS trình bày được nguyên nhân, hai giai đoạn diễn biến, kết quả và tính chất chính nghĩa của cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam; biết trân trọng sự hi sinh của nhân dân, chiến sĩ và tinh thần đoàn kết Việt Nam - Cam-pu-chia.

b. Nội dung: HS khai thác SGK, Hình 3 và trục thời gian; làm việc nhóm để hoàn thành bảng "Thời gian - Hành động của quân Pôn Pốt - Đối sách của Việt Nam - Kết quả".

c. Sản phẩm học tập: Bảng diễn biến theo hai giai đoạn; phần giải thích về ý nghĩa của chiến thắng ngày 7 - 1 - 1979 và giá trị của Khu di tích Nhà mồ Ba Chúc.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ: - Nhóm 1: Làm rõ các hành động khiêu khích, xâm phạm lãnh thổ của tập đoàn Pôn Pốt từ tháng 5 - 1975 đến tháng 4 - 1977. - Nhóm 2: Trình bày giai đoạn 1 từ ngày 30 - 4 - 1977 đến ngày 5 - 1 - 1978. - Nhóm 3: Trình bày giai đoạn 2 từ ngày 6 - 1 - 1978 đến ngày 7 - 1 - 1979. - Nhóm 4: Phân tích tính chất chính nghĩa và ý nghĩa quốc tế của cuộc chiến đấu.  *Hình 3. Khu di tích Nhà mồ Ba Chúc, An Giang*	- HS nhận nhiệm vụ, xác định mốc thời gian và nội dung cần khai thác. - HS quan sát Hình 3, nhận biết đây là chứng tích về tội ác của quân Pôn Pốt và là địa chỉ giáo dục truyền thống, tưởng niệm nạn nhân.	
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	- Từ tháng 5 - 1975, quân Pôn Pốt	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Các nhóm đọc SGK, thảo luận 7 - 8 phút và hoàn thành sản phẩm trên giấy A3 hoặc phiếu học tập. GV gợi mở: - Vì sao Việt Nam kiên trì giải quyết bằng biện pháp hoà bình trong giai đoạn đầu? - Sự kiện ngày 22 - 12 - 1978 cho thấy mức độ nguy hiểm của cuộc tiến công như thế nào? - Vì sao quân tình nguyện Việt Nam phối hợp với lực lượng cách mạng Cam-pu-chia tiến vào Phnôm Pênh? - Hình 3 giúp em hiểu gì về hậu quả của chính sách diệt chủng?	liên tiếp khiêu khích, xâm phạm lãnh thổ, đánh chiếm đảo Phú Quốc, đảo Thổ Chu và nhiều vùng biên giới Tây Nam. - Giai đoạn 1, Việt Nam vừa tổ chức lực lượng đánh lui quân xâm lược, vừa kiên trì hoạt động ngoại giao để tìm giải pháp hoà bình. - Giai đoạn 2, quân Pôn Pốt mở rộng chiến tranh trên toàn tuyến; ngày 22 - 12 - 1978 huy động lực lượng lớn tiến công Tây Ninh. - Quân dân Việt Nam mở cuộc tổng phản công, đánh tan lực lượng xâm lược; phối hợp với lực lượng cách mạng Cam-pu-chia lật đổ chế độ diệt chủng. Ngày 7 - 1 - 1979, Phnôm Pênh được giải phóng.	
Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện từng nhóm trình bày tối đa 3 phút. Nhóm khác dùng thẻ "đồng ý - bổ sung - chất vấn" để phản hồi. - GV đặt câu hỏi mở rộng: Cuộc chiến đấu ở biên giới Tây Nam chỉ có ý nghĩa đối với Việt Nam hay còn có ý nghĩa đối với nhân dân Cam-pu-chia? - HS trao đổi, đưa dẫn chứng về việc chấm dứt chế độ diệt chủng và mở ra	- HS trình bày đúng trình tự hai giai đoạn, có mốc ngày 30 - 4 - 1977, 5 - 1 - 1978, 6 - 1 - 1978, 22 - 12 - 1978 và 7 - 1 - 1979. - HS phân biệt rõ: Việt Nam tiến hành quyền tự vệ chính đáng để bảo vệ chủ quyền, đồng thời thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả, giúp nhân dân Cam-pu-chia thoát khỏi hoạ diệt chủng.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
cơ hội hồi sinh cho đất nước Cam-pu-chia.		
Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét sản phẩm, sửa các mốc thời gian chưa chính xác và chốt kiến thức. - GV nhấn mạnh tinh thần nhân đạo: ghi nhớ tội ác chiến tranh không nhằm khơi sâu hận thù mà để trân trọng hoà bình, bảo vệ sự thật lịch sử và ngăn ngừa thảm hoạ tương tự. - HS hoàn thiện bảng vào vở.	**Kết luận:** - Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam là cuộc chiến đấu tự vệ chính nghĩa, bảo vệ độc lập, chủ quyền và tính mạng nhân dân Việt Nam. - Chiến thắng làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược của tập đoàn Pôn Pốt; góp phần cùng nhân dân Cam-pu-chia lật đổ chế độ diệt chủng, khôi phục hoà bình và tình đoàn kết giữa hai dân tộc.	

C. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức về bối cảnh lịch sử và diễn biến cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam.

b. Nội dung: HS hoàn thành trục thời gian và trả lời câu hỏi ngắn.

c. Sản phẩm học tập: Trục thời gian đúng mốc; câu trả lời thể hiện được tính chất chính nghĩa của cuộc chiến đấu.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS điền các mốc còn thiếu vào trục thời gian: tháng 5 - 1975; 30 - 4 - 1977; 5 - 1 - 1978; 22 - 12 - 1978; 7 - 1 - 1979.	- HS xác định nhiệm vụ, làm cá nhân trong 3 phút.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
- Câu hỏi: Vì sao có thể khẳng định cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam là cuộc chiến đấu tự vệ chính nghĩa?		
Bước 2. Thực hiện và báo cáo HS hoàn thành, đổi vở kiểm tra chéo; 1 - 2 HS trình bày.	- Trục thời gian sắp xếp đúng. - Lập luận: đối phương xâm phạm lãnh thổ, giết hại dân thường; Việt Nam kiên trì hoà bình nhưng buộc phải tự vệ; mục tiêu là bảo vệ chủ quyền và nhân dân, không xâm lược.	
Bước 3. Kết luận GV nhận xét, tuyên dương và sửa lỗi.	- HS ghi nhớ các mốc và tính chất cuộc chiến đấu.	

D. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS kết nối kiến thức với địa phương và giáo dục ý thức trân trọng hoà bình.

b. Nội dung: HS sưu tầm một tư liệu về địa danh, nhân vật hoặc hoạt động tưởng niệm liên quan đến cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam.

c. Sản phẩm học tập: Đoạn giới thiệu 8 - 10 câu hoặc một trang trình chiếu có nguồn tư liệu rõ ràng.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ về nhà: lựa chọn một trong các chủ đề Nhà mồ Ba Chúc, quân tình nguyện Việt Nam tại Cam-pu-chia, ngày 7 - 1 - 1979 hoặc một nhân vật tiêu biểu. - Sản phẩm phải nêu được sự kiện, ý nghĩa và thông điệp về hoà bình, nhân đạo.	- HS ghi yêu cầu, lựa chọn chủ đề phù hợp.	
Bước 2. Hướng dẫn thực hiện - GV nhắc HS ưu tiên nguồn chính thống; không sử dụng hình ảnh gây sốc; ghi rõ nguồn cuối sản phẩm. - Sản phẩm được nộp hoặc trình bày ở tiết sau.	- Sản phẩm có nội dung chính xác, ngắn gọn, thể hiện thái độ trân trọng lịch sử.	

E. HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Ôn lại bối cảnh và diễn biến cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam.

- Đọc trước nội dung về biên giới phía Bắc, Biển Đông và ý nghĩa lịch sử; chuẩn bị câu hỏi: điểm giống nhau về tính chất của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc sau năm 1975 là gì?

Hoạt động 3. Tìm hiểu cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc

a. Mục tiêu: HS trình bày được bối cảnh, diễn biến chính, kết quả của cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc; nhận thức được sự hi sinh của quân dân và tính chất tự vệ chính nghĩa.

b. Nội dung: HS khai thác SGK, bản đồ tuyến biên giới và Hình 4; hoàn thành sơ đồ "Nguyên nhân - Diễn biến - Kết quả - Kéo dài sau năm 1979".

c. Sản phẩm học tập: Sơ đồ kiến thức đầy đủ; phần trình bày đúng mốc 17 - 2 - 1979 và 5 - 3 - 1979; liên hệ được với chiến sự Vị Xuyên.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV xác định tuyến biên giới phía Bắc	- HS nhận biết tuyến tiến công kéo dài hơn 1 000 km từ Móng Cái	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
trên bản đồ và giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm 4: - Nêu nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cuộc chiến đấu. - Xác định phạm vi, thời gian và mục tiêu của cuộc tiến công ngày 17 - 2 - 1979. - Trình bày cách quân dân Việt Nam tổ chức chiến đấu và kết quả ban đầu. - Giải thích vì sao sau khi đối phương rút quân, tình hình biên giới vẫn còn căng thẳng.  *Hình 4. Một phần Nghĩa trang liệt sĩ Vị Xuyên, Hà Giang*	đến Phong Thổ. - Từ Hình 4, HS hình dung quy mô hi sinh và trách nhiệm tri ân các liệt sĩ bảo vệ biên giới.	
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc mục b SGK, thảo luận trong 7 phút. GV hỗ trợ bằng câu hỏi: - Vì sao mục tiêu "đánh nhanh, thắng nhanh" của đối phương bị thất bại? - Vai trò của lực lượng tại chỗ và nhân dân các tỉnh biên giới được thể hiện như thế nào? - Chiến sự Vị Xuyên giai đoạn 1984 -	- Từ giữa năm 1975, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc căng thẳng; nhiều hoạt động khiêu khích, xâm phạm biên giới diễn ra. - Ngày 17 - 2 - 1979, hàng chục vạn quân Trung Quốc tiến công toàn tuyến biên giới phía Bắc, tập trung tại Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai. - Quân dân Việt Nam trực tiếp là	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
1989 cho thấy điều gì về mức độ kéo dài, ác liệt của cuộc đấu tranh?	lực lượng tại chỗ, chiến đấu quyết liệt, làm thất bại mục tiêu "đánh nhanh, thắng nhanh". - Trước sự phản đối của dư luận và sức chiến đấu của Việt Nam, Trung Quốc tuyên bố rút quân từ ngày 5 - 3 - 1979. - Tình hình vẫn căng thẳng đến cuối thập niên 1980; chiến sự ác liệt kéo dài tại Vị Xuyên từ năm 1984 đến năm 1989.	
Bước 3. Báo cáo, thảo luận Mỗi nhóm trình bày một nhánh của sơ đồ. Nhóm khác bổ sung mốc thời gian, địa danh và nhận xét. - GV yêu cầu HS phản biện nhận định: "Đối phương rút quân ngày 5 - 3 - 1979 nghĩa là cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới phía Bắc kết thúc hoàn toàn". - HS dùng thông tin về Vị Xuyên để bác bỏ nhận định trên.	- HS kết luận: ngày 5 - 3 - 1979 đánh dấu việc đối phương rút quân trên diện rộng, nhưng xung đột, lấn chiếm và chiến sự ở một số khu vực còn kéo dài. - HS nhận thức đây là cuộc chiến đấu tự vệ chính nghĩa nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.	
Bước 4. Kết luận, nhận định GV chuẩn xác kiến thức; nhấn mạnh tinh thần chiến đấu quả cảm của quân dân các tỉnh biên giới và sự hi sinh lớn lao của các liệt sĩ. - GV giáo dục HS thái độ tri ân, không	**Nội dung chốt:** - Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc diễn ra quyết liệt từ tháng 2 - 1979 và còn kéo dài ở một số khu vực trong nhiều năm. - Quân dân Việt Nam bảo vệ được	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
xuyên tạc lịch sử, không kích động thù hận dân tộc; phân biệt rõ chính sách, hành động xâm lược với nhân dân các nước.	chủ quyền, làm thất bại mục tiêu quân sự của đối phương và giữ vững độc lập, toàn vẹn lãnh thổ.	

Hoạt động 4. Tìm hiểu cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông

a. Mục tiêu: HS trình bày được cơ sở, biện pháp và một số mốc tiêu biểu trong quá trình bảo vệ chủ quyền biển đảo; hiểu được quan điểm nhất quán của Việt Nam là kiên quyết, kiên trì, hoà bình và dựa trên luật pháp quốc tế.

b. Nội dung: HS khai thác thông tin SGK, Hình 5 và các mốc 1977, 1982, 1988, 2007, 2012 để lập trục thời gian và phân loại biện pháp bảo vệ chủ quyền.

c. Sản phẩm học tập: Trục thời gian đúng; bảng biện pháp gồm pháp lí, hành chính, thực thi chủ quyền, ngoại giao và quốc phòng; phần giải thích về sự kiện Gạc Ma.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu tình huống: "Bảo vệ chủ quyền biển đảo không chỉ diễn ra bằng hoạt động quân sự". HS hãy chứng minh nhận định đó bằng các dẫn chứng trong SGK. - Lập trục thời gian các mốc 12 - 5 - 1977; 1982; 14 - 3 - 1988; 2007; 2012. - Phân loại các hoạt động của Việt Nam theo các nhóm: pháp lí - hành chính; thực thi chủ quyền; ngoại giao; quốc phòng.	- HS nhận diện Hình 5 là biểu tượng của "vòng tròn bất tử", tinh thần đoàn kết và quyết tâm bảo vệ chủ quyền. - HS hiểu yêu cầu: không chỉ kể sự kiện mà phải nêu được biện pháp, mục đích và nguyên tắc.	**[1.1-NC1-b] → Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số** **Nội dung chỉ báo:** Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. **Nhiệm vụ học tập:** HS sử dụng từ khóa phù hợp để tìm một tư liệu chính thống về một mốc 1977, 1982, 1988, 2007 hoặc 2012; lựa

 *Hình 5. Những người lính hải quân nắm tay nhau tại Khu tưởng niệm Gạc Ma*		chọn thông tin đúng với trục thời gian, xác định cơ quan ban hành và ghi nguồn. **Công cụ:** Trình duyệt/Google Search; Cổng thông tin điện tử Chính phủ, cơ quan nhà nước hoặc nguồn chính thống do GV định hướng.
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn. GV hướng dẫn khai thác: - Tuyên bố ngày 12 - 5 - 1977 và Luật Biển Việt Nam năm 2012 có ý nghĩa pháp lí gì? - Việc thành lập huyện đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các đơn vị hành chính trực thuộc thể hiện điều gì? - Những hoạt động nghiên cứu, khảo sát, dựng bia chủ quyền, hỗ trợ đời sống cư dân có vai trò như thế nào? - Trong sự kiện tháng 3 - 1988, Việt Nam đã lựa chọn cách ứng xử ra sao?	- Ngày 12 - 5 - 1977, Việt Nam ra Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. - Năm 1982, Việt Nam tham gia Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển; Công ước có hiệu lực với Việt Nam từ năm 1994. - Năm 1982 thành lập huyện đảo Hoàng Sa và Trường Sa; năm 2007 thành lập thị trấn Trường Sa, xã Song Tử Tây và xã Sinh Tồn. - Nhà nước triển khai nghiên cứu, khảo sát, khai thác hợp lí, dựng bia chủ quyền, thiết lập	

	các cơ sở dân sinh và hỗ trợ đời sống trên đảo. - Tháng 3 - 1988, Trung Quốc dùng lực lượng tấn công các đảo Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao; 64 chiến sĩ Hải quân Việt Nam hi sinh. Việt Nam kiên quyết phản đối, đồng thời đề nghị giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hoà bình. - Năm 2012, Quốc hội thông qua Luật Biển Việt Nam; tiếp tục thực thi Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông.	
Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trình bày trục thời gian; một nhóm khác trình bày bảng biện pháp. Các nhóm nhận xét theo tiêu chí: đúng mốc - đủ nhóm biện pháp - nêu đúng nguyên tắc. - GV đặt câu hỏi: Vì sao bảo vệ chủ quyền biển đảo phải kết hợp sức mạnh pháp lí, ngoại giao, kinh tế, dân sự và quốc phòng? - HS liên hệ đặc điểm của biển đảo và yêu cầu duy trì hoà	- HS chứng minh được bảo vệ chủ quyền là quá trình tổng hợp, lâu dài, liên tục; không đồng nhất với sử dụng vũ lực. - HS nêu nguyên tắc: kiên quyết và kiên trì; tôn trọng luật pháp quốc tế, nhất là UNCLOS 1982; giữ vững hoà bình, ổn định và lợi ích quốc gia - dân tộc.	

bình, ổn định để phát triển đất nước.		
Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt kiến thức, nhấn mạnh chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa có cơ sở lịch sử, pháp lí; việc bảo vệ chủ quyền phải đi đôi với giữ gìn môi trường hoà bình và hợp tác. - GV dành một phút tưởng niệm các chiến sĩ đã hi sinh; yêu cầu HS viết một câu thông điệp về trách nhiệm của thế hệ trẻ với biển đảo.	**Nội dung chốt:** - Việt Nam thực hiện chủ quyền bằng nhiều biện pháp đồng bộ, phù hợp luật pháp quốc tế. - Sự kiện Gạc Ma năm 1988 thể hiện sự hi sinh anh dũng và quyết tâm bảo vệ chủ quyền biển đảo. - Trách nhiệm của HS: tìm hiểu đúng lịch sử, tôn trọng pháp luật, lan toả thông tin chính xác và có hành động thiết thực hướng về biển đảo.	

Hoạt động 5. Tìm hiểu ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 - 1975 đến nay

a. Mục tiêu: HS nêu và giải thích được những ý nghĩa chủ yếu của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc; hình thành năng lực khái quát, đánh giá sự kiện lịch sử.

b. Nội dung: HS đọc mục 3 SGK, làm việc theo cặp để ghép dẫn chứng với từng ý nghĩa và xếp thứ tự mức độ quan trọng theo quan điểm cá nhân.

c. Sản phẩm học tập: Bảng "Ý nghĩa - Dẫn chứng"; phần giải thích logic, có dẫn chứng và biết tôn trọng quan điểm khác biệt.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV đưa 5 thẻ ý nghĩa và 8 thẻ dẫn	- HS nhận nhiệm vụ, xác định mỗi ý nghĩa cần ít nhất một dẫn chứng.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
chứng; yêu cầu các cặp ghép đúng. - Bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và cuộc sống nhân dân. - Khẳng định ý chí độc lập, tự chủ và tinh thần đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. - Tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng đất nước. - Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá. - Góp phần bảo vệ hoà bình, ổn định ở khu vực và thế giới.		
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS ghép thẻ, thảo luận và chọn một ý nghĩa quan trọng nhất. GV theo dõi, gợi mở bằng các sự kiện 7 - 1 - 1979, 5 - 3 - 1979, Gạc Ma 1988, Luật Biển 2012.	- Bảo vệ được chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và tính mạng nhân dân. - Khẳng định bản lĩnh, ý chí tự lực, tự cường; củng cố đoàn kết toàn dân và tình đoàn kết quốc tế. - Giữ môi trường tương đối ổn định để khôi phục, xây dựng và phát triển đất nước. - Cung cấp kinh nghiệm về lãnh đạo, phát huy sức mạnh nhân dân, kết hợp các phương thức đấu tranh. - Góp phần ngăn chặn chiến tranh xâm lược, bảo vệ hoà bình khu vực.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 3. Báo cáo, thảo luận Một số cặp trình bày; cặp khác nhận xét. GV yêu cầu HS phân biệt "kết quả trực tiếp" với "ý nghĩa lâu dài".	- Kết quả trực tiếp là bảo vệ chủ quyền và đẩy lùi hành động xâm lược; ý nghĩa lâu dài là củng cố sức mạnh dân tộc, tạo điều kiện xây dựng đất nước và để lại bài học lịch sử.	
Bước 4. Kết luận, nhận định GV chuẩn xác, nhấn mạnh các ý nghĩa có mối quan hệ chặt chẽ; không nên tuyệt đối hoá một ý nghĩa duy nhất.	- HS ghi 5 ý nghĩa theo SGK và bổ sung một dẫn chứng tiêu biểu cho mỗi ý.	

C. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Hệ thống hoá diễn biến chính của ba hướng đấu tranh và ý nghĩa lịch sử.

b. Nội dung: HS hoàn thành bảng so sánh ba cuộc đấu tranh: Tây Nam - phía Bắc - Biển Đông.

c. Sản phẩm học tập: Bảng đúng về thời gian, diễn biến, kết quả và ý nghĩa.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Giao nhiệm vụ GV phát bảng gồm 4 cột: Cuộc đấu tranh - Thời gian/mốc chính - Diễn biến, kết quả - Ý nghĩa.	- HS làm việc nhóm 4 trong 5 phút.	
Bước 2. Báo cáo và hoàn thiện Ba nhóm lần lượt trình bày ba hàng; lớp nhận xét và bổ sung.	- Tây Nam: 1975 - 1979; đẩy lùi Pôn Pốt, giúp Cam-pu-chia thoát diệt chủng. - Phía Bắc: 17 - 2 - 1979 và các năm sau; bảo vệ biên giới, làm thất bại mục tiêu quân sự.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
	- Biển Đông: quá trình lâu dài, nổi bật các mốc 1977, 1982, 1988, 2012; bảo vệ chủ quyền bằng biện pháp tổng hợp, hoà bình, pháp lí.	
Bước 3. Kết luận GV chốt bảng chuẩn và yêu cầu HS khoanh tròn các từ khoá chung: chính nghĩa - tự vệ - đoàn kết - chủ quyền - hoà bình.	- HS nhận ra điểm chung về mục tiêu, tính chất và giá trị lịch sử.	

D. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức để giải thích một vấn đề thời sự liên quan đến chủ quyền và trách nhiệm công dân.

b. Nội dung: HS viết đoạn văn 150 - 200 chữ: "Vì sao bảo vệ chủ quyền phải kiên quyết nhưng đồng thời phải kiên trì biện pháp hoà bình và luật pháp quốc tế?"

c. Sản phẩm học tập: Đoạn văn có luận điểm, dẫn chứng lịch sử và thông điệp phù hợp.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Giao nhiệm vụ GV hướng dẫn bố cục 3 phần: nêu vấn đề - giải thích bằng dẫn chứng - liên hệ trách nhiệm.	- HS xác định luận điểm và lựa chọn ít nhất hai dẫn chứng từ bài học.	
Bước 2. Hướng dẫn tiêu chí - Đúng kiến thức; lập luận mạch lạc; thái độ khách quan, hoà bình; không sử dụng thông tin chưa kiểm chứng. - Nộp vào đầu tiết 3.	- Sản phẩm đạt yêu cầu khi thể hiện được sự kết hợp giữa quyết tâm bảo vệ chủ quyền và trách nhiệm giữ gìn môi trường hoà bình.	

Hoạt động 6. Tìm hiểu một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay

a. Mục tiêu: HS nêu được bốn bài học cơ bản; phân tích được nội dung, dẫn chứng và giá trị thực tiễn của từng bài học đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

b. Nội dung: HS làm việc theo mô hình "mảnh ghép": nhóm chuyên gia tìm hiểu một bài học, sau đó trở về nhóm mới để chia sẻ và hoàn thành bảng tổng hợp.

c. Sản phẩm học tập: Bảng gồm ba cột "Bài học - Dẫn chứng lịch sử - Giá trị thực tiễn"; phần thuyết trình, phản biện và liên hệ trách nhiệm HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 4 nhóm chuyên gia: - Nhóm 1: Không ngừng phát huy tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân. - Nhóm 2: Củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. - Nhóm 3: Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. - Nhóm 4: Phát triển sáng tạo nghệ thuật chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Mỗi nhóm trả lời 3 câu hỏi: Bài học có nội dung gì? Dẫn chứng nào chứng minh? Giá trị thực tiễn hiện nay ra sao?	- HS nhận nhiệm vụ, phân công người đọc SGK, người tìm dẫn chứng, người thư kí và người báo cáo. - Sản phẩm phải có ít nhất hai dẫn chứng lịch sử và một liên hệ hiện nay.	**[6.3-NC1-a/b] → Đánh giá trí tuệ nhân tạo** **Nội dung chỉ báo:** Đánh giá được độ chính xác và tin cậy của các hệ thống AI; xem xét được các kết quả và đưa ra nhận xét về hiệu quả của hệ thống AI. **Nhiệm vụ học tập:** HS kiểm chứng bản tóm tắt do AI tạo về bốn bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc; chỉ ra ý đúng, ý thiếu/chưa đúng và nêu căn cứ chỉnh sửa từ SGK, tư liệu đã học. **Công cụ:** ChatGPT hoặc Gemini do GV

		thao tác/cung cấp kết quả sẵn.
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - vòng chuyên gia HS làm việc 8 phút. GV hỗ trợ theo từng nhóm: - Nhóm 1 gợi nhớ sức mạnh của lòng yêu nước trong Cách mạng tháng Tám, kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và các cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới. - Nhóm 2 phân tích vai trò của Mặt trận dân tộc thống nhất, sự đồng lòng của toàn dân, quân - dân và hậu phương - tiền tuyến. - Nhóm 3 làm rõ việc tranh thủ sự đồng tình quốc tế, kết hợp nội lực với nguồn lực bên ngoài; đồng thời xây dựng đất nước vững mạnh để tạo nền tảng bảo vệ Tổ quốc. - Nhóm 4 phân tích nghệ thuật toàn dân đánh giặc, thế trận quốc phòng toàn dân, tiến công chủ động, mưu trí, linh hoạt và kết hợp nhiều lực lượng, phương thức đấu tranh.	**Bài học 1:** - Lòng yêu nước là nguồn sức mạnh tinh thần lớn nhất, khơi dậy ý chí độc lập, tự chủ và trách nhiệm của mỗi người. **Bài học 2:** - Đại đoàn kết toàn dân tạo sức mạnh tổng hợp; phải phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. **Bài học 3:** - Sức mạnh dân tộc là nền tảng; sức mạnh thời đại là điều kiện hỗ trợ. Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó hữu cơ. **Bài học 4:** - Nghệ thuật chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân phải tiếp tục được phát triển phù hợp với khoa học - công nghệ và yêu cầu bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.	

Bước 3. Thực hiện nhiệm vụ - vòng mảnh ghép GV tổ chức các nhóm mới, mỗi nhóm có đại diện của bốn nhóm chuyên gia. Từng thành viên lần lượt chia sẻ trong 2 phút; nhóm hoàn thành bảng tổng hợp. - GV yêu cầu nhóm xác định mối quan hệ giữa bốn bài học, tránh trình bày rời rạc. - HS thống nhất một sơ đồ: yêu nước là nền tảng tinh thần; đoàn kết tạo sức mạnh tổ chức; kết hợp sức mạnh mở rộng nguồn lực; nghệ thuật chiến tranh nhân dân chuyển hoá sức mạnh thành hành động hiệu quả.	- Bảng tổng hợp đủ 4 bài học, có dẫn chứng và liên hệ. - HS nhận thức các bài học bổ sung cho nhau, tạo thành hệ thống kinh nghiệm xuyên suốt của cách mạng Việt Nam.	
Bước 4. Báo cáo, thảo luận Hai nhóm trình bày sản phẩm; nhóm khác nhận xét theo tiêu chí "đúng - đủ - có dẫn chứng - có liên hệ". - GV tổ chức tranh luận: "Trong bối cảnh hiện nay, bài học nào quan trọng nhất?" - HS được quyền lựa chọn khác nhau nhưng phải lập luận và tôn trọng quan điểm của bạn. - GV gợi ý liên hệ: bảo vệ chủ	- HS trình bày được không có bài học nào đứng riêng lẻ; mức độ nổi bật có thể khác nhau theo hoàn cảnh nhưng phải vận dụng đồng bộ. - Liên hệ của HS: học tập tốt, chấp hành pháp luật, sử dụng mạng có trách nhiệm, tôn trọng sự khác biệt, tham gia hoạt động đền ơn đáp nghĩa, rèn luyện sức khoẻ và kĩ	

quyền trên không gian mạng, phòng chống thông tin xấu độc, học tập khoa học - công nghệ, xây dựng khối đoàn kết trong lớp và cộng đồng.	năng.	
Bước 5. Kết luận, nhận định GV chuẩn xác kiến thức và nhấn mạnh giá trị thực tiễn: - Lòng yêu nước phải được thể hiện bằng hành động đúng pháp luật, không bằng cảm xúc cực đoan. - Đoàn kết phải gắn với kỉ cương, dân chủ và lợi ích chung. - Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại phải đặt độc lập, tự chủ và lợi ích quốc gia - dân tộc lên hàng đầu. - Nền quốc phòng toàn dân phải gắn với an ninh nhân dân, kinh tế, khoa học - công nghệ và thế trận lòng dân.	**Nội dung chốt:** - Bốn bài học là kinh nghiệm lịch sử có giá trị lâu dài, cần được vận dụng sáng tạo trong điều kiện mới. - Mỗi công dân, nhất là thế hệ trẻ, có trách nhiệm biến lòng yêu nước thành việc làm cụ thể trong học tập, lao động và bảo vệ chủ quyền quốc gia.	

C. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố, hệ thống hoá toàn bộ kiến thức bài học; rèn năng lực xâu chuỗi sự kiện, khái quát và lập luận lịch sử.

b. Nội dung: HS hoàn thành hai nhiệm vụ: bảng thống kê ba cuộc đấu tranh và sơ đồ tư duy bốn bài học lịch sử.

c. Sản phẩm học tập: Bảng thống kê chính xác; sơ đồ tư duy rõ ý; phần lựa chọn bài học quan trọng nhất có lí giải.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Nhiệm vụ 1. Hoàn thành bảng: - Hàng 1: Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam. - Hàng 2: Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc. - Hàng 3: Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông. Các cột: Thời gian/mốc chính - Diễn biến, kết quả - Ý nghĩa. Nhiệm vụ 2. Vẽ sơ đồ tư duy bốn bài học lịch sử và khoanh bài học nhóm cho là quan trọng nhất.	- HS làm việc nhóm 4, phân công mỗi thành viên hoàn thành một phần. - Sản phẩm phải sử dụng gạch đầu dòng, mốc thời gian chính xác và từ khoá rõ ràng.	
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc 8 phút. GV theo dõi, nhắc HS kiểm tra các mốc 1977, 1979, 1988, 2012 và phân biệt "diễn biến" với "ý nghĩa".	- Nhóm hoàn thành bảng và sơ đồ; có ít nhất một dẫn chứng cho mỗi bài học.	
Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV gọi ngẫu nhiên nhóm trình bày; nhóm khác sử dụng bảng kiểm để nhận xét. Sau đó GV đặt câu hỏi: Điểm chung về mục tiêu và tính chất của ba cuộc đấu tranh là gì?	- Điểm chung: đều nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; đều là cuộc đấu tranh tự vệ chính nghĩa; phát huy sức mạnh toàn dân và kết hợp nhiều biện pháp.	
Bước 4. Kết luận, đánh giá GV công bố đáp án, nhận xét mức độ hoàn thành, tuyên dương nhóm có sơ	- HS tự điều chỉnh sản phẩm và hoàn thiện kiến thức vào vở.	

đồ rõ và lập luận tốt.		

D. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức và bài học lịch sử để phân tích vấn đề thực tiễn, hình thành trách nhiệm công dân.

b. Nội dung: HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ vận dụng; thực hiện cá nhân hoặc nhóm ngoài giờ học.

c. Sản phẩm học tập: Bài giới thiệu hoặc bài phân tích có nội dung chính xác, nguồn rõ ràng, liên hệ trách nhiệm phù hợp.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Nhiệm vụ 1. Sưu tầm tư liệu và viết bài giới thiệu ngắn về một cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc sau tháng 4 - 1975, một di tích, một liệt sĩ hoặc một nhân vật tiêu biểu. - Gợi ý: Ba Chúc, Vị Xuyên, Gạc Ma, chiến sĩ biên phòng, hải quân hoặc địa chỉ đỏ tại địa phương. Nhiệm vụ 2. Phân tích giá trị thực tiễn của một bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. - Bài viết cần trả lời: Bài học là gì? Vì sao còn giá trị? HS có thể làm gì để vận dụng?	- HS chọn một nhiệm vụ và hình thức: bài viết 300 - 500 chữ, poster, infographic hoặc 3 - 5 trang trình chiếu. - Sản phẩm có trích dẫn nguồn và thông điệp phù hợp.	
Bước 2. Hướng dẫn thực hiện - GV hướng dẫn tìm nguồn từ SGK, bảo tàng, cơ quan báo chí chính thống, cổng thông tin của địa phương	- HS lập kế hoạch, phân công và hoàn thành đúng thời hạn. - Sản phẩm thể hiện lòng biết ơn, ý thức trách nhiệm và năng lực sử	

hoặc tài liệu gia đình có thể kiểm chứng. - Không sao chép nguyên văn; không sử dụng hình ảnh, thông tin kích động, thiếu căn cứ; tôn trọng người đã hi sinh và thân nhân. - GV cung cấp tiêu chí: chính xác 4 điểm; logic và dẫn chứng 2 điểm; liên hệ 2 điểm; hình thức, nguồn tư liệu 2 điểm.	dụng tư liệu lịch sử.	
Bước 3. Báo cáo và phản hồi Ở buổi học tiếp theo hoặc hoạt động trải nghiệm, GV lựa chọn một số sản phẩm để trình bày. HS nhận xét theo tiêu chí và đề xuất một hành động thiết thực.	- Hành động gợi ý: chăm chỉ học tập, rèn luyện thể chất, bảo vệ thông tin cá nhân, phản bác thông tin sai lệch bằng cách phù hợp, tham gia hoạt động tri ân, hướng về biên giới và hải đảo.	

E. CỦNG CỐ VÀ DẶN DÒ

- GV yêu cầu HS hoàn thành câu kết bài: "Qua Bài 9, em hiểu rằng bảo vệ Tổ quốc là…". Một số HS đọc câu trả lời trước lớp.

- HS tự đánh giá theo ba mức: đã nắm chắc - còn phân vân - cần hỗ trợ đối với bốn nội dung: bối cảnh, diễn biến, ý nghĩa, bài học.

- Hoàn thiện sản phẩm vận dụng; chuẩn bị bài học tiếp theo theo hướng dẫn của GV.

PHỤ LỤC. PHIẾU HỌC TẬP VÀ GỢI Ý ĐÁP ÁN

Phiếu học tập 1. Bối cảnh lịch sử sau tháng 4 - 1975

Bối cảnh	Thuận lợi	Khó khăn
Trong nước	....	....
Quốc tế	....	....

Phiếu học tập 2. Bảng tổng hợp các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc

Cuộc đấu tranh	Thời gian/mốc chính	Diễn biến, kết quả	Ý nghĩa
Biên giới Tây Nam	....	....	....
Biên giới phía Bắc	....	....	....
Chủ quyền trên Biển Đông	....	....	....

NHẬN XÉT SAU GIỜ DẠY

.....

.....